

Bản án số: 25/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 15-9-2025

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lựu và bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10-
Hải Phòng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia
phiên tòa:** Bà Đàm Thị Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải
Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:
33/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc " ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXX-ST ngày 03
tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Văn P, sinh ngày 03-02-1985

Số hộ chiếu: C7994301 do Cục quản lý xuất nhập cảnh ngày 13-8-2019 cấp.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Hải Phòng

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đ

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh ngày 25-12-1985. Số căn cước công dân
031185011472. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Ngày cấp: 14-5-2023.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Hải Phòng

Người được ủy quyền của anh Phùng Văn P: Bà Hoàng Thị H- sinh năm
2002.

Địa chỉ: Số 117, ngõ 2 phố T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay
là: phố T, phường H, thành phố Hà Nội).

(anh P và chị L, bà H đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phùng Văn P trình bày: Ngày 16-5-2013, anh Phùng Văn P và chị Lê Thị L kết hôn tại UBND xã An Phú, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng cùng nhau sinh sống tại Khu dân cư An Lăng, phường An Phú, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng 9-2019, anh P sang Đài Loan làm việc, được khoảng 01 năm, mâu thuẫn giữa anh P và chị L trở nên trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp với nhau. Mặc dù anh chị đã rất cố gắng để hoà giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Nay, anh P thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phùng Lê Quỳnh A sinh ngày 08-6-2017, hiện nay cháu Quỳnh Anh đang ở cùng chị L. Khi ly hôn, anh P đồng ý chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phùng Văn P uỷ quyền cho chị Hoàng Thị Huyền địa chỉ tại: Số 117 ngõ 2 phố Tây Trà, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đại diện làm việc với Tòa án nhân dân (nộp, giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án ly hôn; ký, nhận bản sao/trích lục bản án ly hôn; nộp các khoản phí, lệ phí liên quan đến công việc được uỷ quyền; đại diện đến UBND phường An Phú xin trích lục kết hôn giữa anh P với chị L và trích lục khai sinh cháu Phùng Lê Quỳnh Anh; làm việc với Công an phường An Phú xin xác nhận nơi cư trú).

Anh Phùng Văn P đề nghị Tòa án không làm các thủ tục hoà giải sau khi thụ lý vụ án, nhanh chóng giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh P bận công việc, đi lại khó khăn nên anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa xét xử.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị L và anh Phùng Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 16-5-2013 tại UBND xã An Phú, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến tháng 10-2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P đi làm ăn xa nhà, không quan tâm vợ con, tình cảm vợ chồng xa cách. Anh chị sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị

thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh P xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phùng Lê Quỳnh A sinh ngày 08-6-2017. Từ nhỏ cháu Quỳnh Anh đã ở cùng với chị được chăm sóc đầy đủ. Nay anh chị ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh. Chị yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay chị L và cháu Quỳnh Anh vẫn sinh sống tại ngôi nhà riêng của anh chị xây dựng ở An Lăng. Sau khi ly hôn, chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ giúp đỡ việc chăm sóc cháu Quỳnh Anh. Chị L làm lao động tự do thu nhập trung bình ổn định khoảng 7.000.000đ/tháng. Chị có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Do công việc bận nên chị không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đề nghị Tòa án cho được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Chị xác định hai bên không đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án không hoà giải, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Văn bản cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng ngày 14/8/2025:* Từ năm 2019 đến nay, anh Phùng Văn P, sinh ngày 03/02/1985, CMND số 141112125, thường xuyên xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu số C7994301 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phùng Văn P và chị Lê Thị L xin vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại Tòa án; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Văn P được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Lê Quỳnh A sinh ngày 08-6-2017 cho chị Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Phùng Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Phùng Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên có quyền thi hành án làm đơn yêu cầu mà bên có nghĩa vụ không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phùng Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phùng Văn P có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Lê Thị L. Chị Lê Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố An Lăng, phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng. Anh Phùng Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố An Lăng, phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng nhưng đã xuất cảnh từ năm 2019 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh. Theo anh P khai hiện đang lao động tại Đài Loan. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại Tòa án. Nguyên đơn anh Phùng Văn P và bị đơn chị Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn P và chị Lê Thị L được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 16-5-2013 tại UBND xã An Phụ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi

nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh P và chị L cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài và không còn tình cảm nữa. Anh P xin ly hôn chị L đồng ý. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh P và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh P, xử cho anh được ly hôn chị L là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh P và chị L có 01 con chung là Phùng Lê Quỳnh A sinh ngày 08-6-2017. Từ nhỏ cháu Quỳnh Anh đã ở cùng với chị L, được chị L chăm sóc đầy đủ. Nay anh chị ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh. Cháu Quỳnh Anh cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Anh P đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng. Do vậy áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Phùng Lê Quỳnh Anh cho chị L nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L đồng ý với mức cấp dưỡng như vậy. Do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên về mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đồng/ tháng, thời gian kể từ tháng 9-2025 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị L không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Phùng Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh P còn có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ về việc nuôi con chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại Tòa án; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Văn P được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Lê Quỳnh A sinh ngày 08-6-2017 cho chị Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Phùng Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 9-2025 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Phùng Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên có quyền thi hành án làm đơn yêu cầu mà bên có nghĩa vụ không thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phùng Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0001795 ngày 18-7-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh P còn phải nộp 300.000 đồng.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Dương sự;
- UBND phường Trần Liễu, thành phố Hải Phòng
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt